

Số: **734**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **11** tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1433/SNNPTNT ngày 14/4/2023 và đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 717/SNV-TCBC ngày 28/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Số 999/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi; số 1526/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 999/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; số 1524/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 về việc phê duyệt mức phụ cấp kiêm nhiệm cho Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và chi thu nhập tăng thêm đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Tài chính, Công Thương; Chủ tịch Hội đồng

quản lý Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;
- VPUB: PCVP, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, NC(Vi268).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số: 734/QĐ-UBND ngày 11/5 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động, nguồn tài chính và cơ chế quản lý, sử dụng tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Nghị định số 156/2018/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Điều lệ này áp dụng đối với tất cả người lao động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quan hệ công tác với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là *Quỹ*), là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi do Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi thành lập tại Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04/7/2012; tổ chức và hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên 100%.

2. Trụ sở của Quỹ: Tại Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi.

4. Tên giao dịch quốc tế: Quang Ngai Forest Protection and Development Fund

Viết tắt: Quang Ngai FPDF.

5. Quỹ có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng và kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Chương II

NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA QUỸ

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

Nguyên tắc hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Lâm nghiệp, cụ thể:

1. Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.
2. Chỉ hỗ trợ cho chương trình, dự án hoặc hoạt động phi dự án liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng đủ yêu cầu đầu tư.
3. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Chức năng của Quỹ

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi có chức năng tham mưu UBND tỉnh tổ chức, thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng; quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn tài chính hợp pháp khác phục vụ quản lý bảo vệ phát triển rừng, phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

Nhiệm vụ của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 76 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Rà soát, ký kết hợp đồng, tiếp nhận và quản lý nguồn tiền ủy thác chi trả dịch vụ môi trường rừng.
2. Vận động, tiếp nhận và quản lý các nguồn tài chính ủy thác khác; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.
3. Tiếp nhận, quản lý tiền trồng rừng thay thế.
4. Đại diện cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng ký hợp đồng với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải trả tiền ủy thác về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh.
5. Làm đầu mối giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng kinh phí quản lý, việc thanh toán tiền cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng của các chủ rừng có khoán bảo vệ rừng.
6. Tổ chức thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.
7. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ.

8. Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính, thống kê, kế toán và kiểm toán; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng Quỹ cho cấp có thẩm quyền.

9. Kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

10. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam về tình hình thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng của địa phương hằng năm.

11. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III **NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG** **TÀI CHÍNH CỦA QUỸ**

Điều 6. Nguồn tài chính của Quỹ

Nguồn tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng; tiền ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

2. Tiền trồng rừng thay thế do chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3. Tiền viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

5. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.

6. Các nguồn tài chính hợp pháp khác ngoài ngân sách nhà nước.

Điều 7. Nội dung chi của Quỹ

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; chi thực hiện các nhiệm vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác khác từ nguồn kinh phí được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

2. Chi tiền trồng rừng thay thế do chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định từ nguồn kinh phí được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 79 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

3. Chi hỗ trợ cho các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án từ nguồn kinh phí được quy định tại các điểm c, d và e khoản 2 Điều 79 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, bao gồm: hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép; tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; thử nghiệm và phổ biến nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững; thử nghiệm, ứng dụng giống cây lâm nghiệp mới; hỗ trợ trồng cây phân tán; phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp; đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở và hỗ trợ các hoạt động khác liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.

4. Chi hoạt động của bộ máy Quỹ từ nguồn kinh phí quản lý dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; từ nguồn kinh phí quản lý theo hợp đồng ủy thác; lãi tiền gửi; nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Nội dung chi, mức chi hoạt động bộ máy Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp pháp luật chưa có quy định nội dung chi, mức chi, căn cứ khả năng tài chính, Quỹ xây dựng nội dung chi, mức chi trong quy chế chi tiêu nội bộ; quyết định việc chi tiêu và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 8. Lập kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, quyết toán

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 khoản 3 Điều 81 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Hằng năm, Quỹ lập kế hoạch tài chính gồm: kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và các nguồn tài chính khác; dự toán chi hoạt động của Quỹ thông qua Hội đồng quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hằng năm, Quỹ lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của Pháp luật về tài chính kế toán hiện hành. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt báo cáo quyết toán đối với Quỹ.

3. Việc giao quyền tự chủ tài chính cho Quỹ thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 9. Chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính

Thực hiện theo quy định tại Điều 82 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Quỹ thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, quản lý tài sản và công khai tài chính như sau:

1. Thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp để thực hiện công tác kế toán.

2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn.

3. Khuyến khích thực hiện kiểm toán độc lập báo cáo tài chính.

4. Thực hiện công khai tài chính theo quy định pháp luật về tài chính hiện hành; khuyến khích thực hiện đánh giá độc lập kết quả thực hiện chính sách dịch vụ môi trường rừng.

Chương IV

QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG PHI DỰ ÁN ĐƯỢC QUỸ HỖ TRỢ

Điều 10. Phương thức và nội dung hỗ trợ tài chính

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 83 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư việc thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án.
2. Các nội dung được hỗ trợ: Các hoạt động quy định tại điểm c khoản 2 Điều 80 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Điều 11. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ban điều hành Quỹ.
2. Trước ngày 25 tháng 02 hằng năm, Ban điều hành Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Giám đốc Quỹ thông báo qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hỗ trợ biết để triển khai thực hiện.

Điều 12. Triển khai thực hiện các chương trình, dự án, các hoạt động phi dự án

Thực hiện theo quy định tại Điều 85 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án theo quyết định được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Việc thành lập ban quản lý để tổ chức triển khai thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 13. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể:

1. Ban điều hành Quỹ chỉ đạo thực hiện, kiểm tra tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ theo định kỳ hoặc đột xuất.

2. Trường hợp cần thiết, Ban điều hành Quỹ được thuê tư vấn để kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

Chương V
BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Điều 14. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 77 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ gồm có: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các phòng chuyên môn.

Điều 15. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập gồm 05 (năm) thành viên:

a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc phụ trách lâm nghiệp) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Chi cục Trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh;

c) Các ủy viên Hội đồng: Đại diện Lãnh đạo Sở Tài chính (phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT), Sở Công Thương (phụ trách lĩnh vực năng lượng); Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (Thư ký Hội đồng).

2. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, nhiệm kỳ 05 năm. Các thành viên được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo Quy chế chỉ tiêu nội bộ của Quỹ.

3. Tiêu chuẩn bổ nhiệm, quy trình và các quy định về miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật. Thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định về chủ trương, phương hướng, kế hoạch hoạt động; kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nguyên tắc và chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Nguyên tắc làm việc:

a) Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện theo nguyên tắc thảo luận tập thể, dân chủ, tôn trọng ý kiến các thành viên, công khai, biểu quyết và quyết định theo đa số.

b) Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, đề cao trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch Hội đồng và các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng thẩm quyền.

d) Văn bản do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, ban hành sử dụng con dấu của Quỹ và được lưu trữ theo quy định của pháp luật.

e) Thành viên Hội đồng quản lý: Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ được giao, kết quả công việc, ý kiến biểu quyết, bỏ phiếu thông qua quyết nghị, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật khi có việc làm trái với quy định pháp luật, gây hậu quả xấu.

2. Chế độ làm việc:

a) Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ mỗi quý 01 lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng hoặc kiến nghị của trên 30% thành viên Hội đồng quản lý hoặc đề nghị của Giám đốc Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo cơ chế tập thể và quyết định theo đa số trên cơ sở bỏ phiếu kín của các thành viên.

b) Các cuộc họp của Hội đồng được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự. Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có giá trị, hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ nhất trí thông qua. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ phiếu ngang nhau thì Hội đồng quản lý Quỹ quyết nghị theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Nội dung cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi thành biên bản và gửi đến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chỉ đạo, quản lý thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản lý và trước Chủ tịch UBND tỉnh. Khi Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt phải ủy quyền, ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành công việc thuộc quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và báo cáo kết quả giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có mặt.

d) Trường hợp có công việc cần giải quyết nhưng không thể triệu tập họp Hội đồng quản lý Quỹ ngay, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xin ý kiến thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản và quyết định thực hiện công

việc khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ nhất trí bằng văn bản. Trường hợp có ý kiến trái ngược nhau mà tỷ lệ ngang nhau thì quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

e) Giám đốc Quỹ có trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị các nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các phiên họp Hội đồng. Hội đồng quản lý Quỹ được sử dụng bộ máy của Ban điều hành Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổ chức, tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao hoặc đặt hàng.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành các Quy chế liên quan đến hoạt động của Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát Quỹ.

5. Thông qua việc phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ đầu tư, trước khi trình cơ quan thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Thông qua Kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ; việc tuyển dụng, ký hợp đồng lao động.

7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của UBND tỉnh nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký tiếp nhận các nguồn vốn và nguồn lực khác.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

3. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật.

4. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về các công việc được ủy quyền.

6. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Dự các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Đề xuất với Chủ tịch Hội đồng nội dung và các vấn đề thảo luận ở Hội đồng quản lý Quỹ.
3. Góp ý kiến, biểu quyết về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.
4. Thực hiện bảo mật các thông tin được cung cấp theo quy định pháp luật.
5. Thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký Hội đồng quản lý Quỹ

Ngoài các nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ quy định tại Điều 19 nêu trên, Thư ký Hội đồng quản lý Quỹ có các nhiệm vụ sau:

1. Tổng hợp thông tin về tổ chức hoạt động của Ban điều hành nghiệp vụ Quỹ báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Chuẩn bị chương trình nghị sự, nội dung, tài liệu, gửi giấy mời họp và làm thư ký các cuộc họp, phiên họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Ghi biên bản cuộc họp, phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ; tổng hợp trung thực, đầy đủ ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; chuẩn bị Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ để báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, ký ban hành Nghị quyết.
3. Chuẩn bị các báo cáo, giải trình với cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan liên quan theo phân công của Chủ tịch Hội đồng.
4. Thực hiện lưu trữ các văn bản của Hội đồng quản lý Quỹ.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 21. Tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ tối đa 03 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát các hoạt động của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm.

2. Các thành viên của Ban kiểm soát Quỹ là Trưởng hoặc các Phó của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và không phải là thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Các thành viên khác của Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

5. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Quỹ là 05 năm.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ban kiểm soát còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật, quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ, trong quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

2. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác tài chính, kế toán, kiểm toán của Quỹ; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ theo quy định.

3. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ định kỳ thông qua các kỳ họp của Hội đồng quản lý Quỹ (nếu có).

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện về các thiệt hại của Quỹ, nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát Quỹ có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ để xin ý kiến chỉ đạo.

Điều 23. Ban điều hành và các phòng chuyên môn

1. Ban điều hành và các phòng chuyên môn, gồm có: Giám đốc Quỹ, 01 Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ Quỹ để thực hiện công tác nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng theo quy định. Việc thành lập phòng chuyên môn do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phù hợp với quy định hiện hành, trên cơ sở số lượng người lao động làm việc tại Ban điều hành Quỹ.

2. Các phòng chuyên môn có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao. Người lao động chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Việc tuyển dụng, quản lý sử dụng, thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động của Quỹ thực hiện theo Điều lệ Quỹ, Quy chế hoạt động của Quỹ và theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là thành viên Hội đồng quản lý Quỹ (*kiêm thư ký*), là người đại diện trước pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ. Giám đốc Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong các hoạt động tố tụng, tranh chấp, giải quyết những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

b) Xây dựng phương án hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

d) Căn cứ Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Hội đồng quản lý Quỹ, ban hành quy trình nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về các hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam.

e) Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng Quỹ.

f) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật hiện hành.

g) Trực tiếp quản lý, điều hành tổ chức bộ máy, khen thưởng, kỷ luật theo phân cấp và quy định của pháp luật hiện hành.

h) Quản lý tài sản, tài chính và tổ chức triển khai thực hiện chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của UBND tỉnh.

Điều 25. Phó Giám đốc Quỹ

1. Giúp Giám đốc Quỹ quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công, ủy quyền của Giám đốc. Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực nghiệp vụ được phân công. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về phần việc được Giám đốc phân công phụ trách.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm quyền hạn theo quy định của Luật kế toán và các văn bản quy định có liên quan.

2. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Ban điều hành Quỹ và các bộ phận chuyên môn.

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Ban điều hành Quỹ và các bộ phận chuyên môn được tính vào chi phí quản lý Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, tiền thu nhập tăng thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp theo quy định hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp kiêm nhiệm theo quy định hiện hành của nhà nước. Mức phụ cấp kiêm nhiệm là 10% mức lương cơ bản theo ngạch, bậc hàng tháng.

Chương VI CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Điều 28. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Chế độ tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Chế độ kiểm toán thực hiện theo quy định của pháp luật kiểm toán.

Chương VII

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 29. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 30. Tổ chức lại, giải thể

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị UBND tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới Ban điều hành và các phong chuyên môn do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi được Hội đồng quản lý Quỹ thống nhất; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng quản lý Quỹ; Ban kiểm soát Quỹ; Ban điều hành nghiệp vụ Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Điều lệ này.

Điều 32. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ này, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.
